

Bản án số: 183/2022/HNGĐ-ST
Ngày 21/7/2022
V/v tranh chấp Hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ XUYỀN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phùng Văn Phong

Các Hội thẩm nhân dân: Nguyễn Xuân Hiếu và Đỗ Quang Huy.

Ghi biên bản phiên tòa: Bà Đặng Thị Thanh Huyền - Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Xuyên tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Đức Thịnh - Kiểm sát viên.

Mở phiên tòa ngày 21 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 136/2022/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2022 về Tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị Kim N, sinh năm 1987; Đăng ký hộ khẩu thường trú: Tiểu khu Đ, thị trấn P, huyện Phú Xuyên, TP Hà Nội.

2. *Bị đơn:* Anh Trần Anh H, sinh năm 1978; Đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú: Tiểu khu Đ, thị trấn P, huyện Phú Xuyên, TP Hà Nội.

Chị N có mặt; anh H vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn đề ngày 26/4/2022, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Lê thị Kim N trình bày:

Chị kết hôn với anh Trần Anh H từ năm 2015 là hôn nhân tự nguyện tiến bộ và có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện Phú Xuyên, TP Hà Nội. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc đến tháng 6/2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp, anh H không tu chí làm ăn, không quan tâm đến cuộc sống gia đình, để mặc chị một mình gánh vác, thậm chí còn thường xuyên say xỉn, mượn rượu để chửi bới, xúc phạm và vu cho chị ngoại tình để lấy cớ đánh đập, gây áp lực về tinh thần khiến chị không thể tập trung làm việc chăm lo cho gia đình, cuộc sống chung không có hạnh phúc. Vợ chồng đã ly thân được 01 năm nay, một mặt anh H không đồng ý ly hôn nhưng mặt khác lại thờ ơ, không có ý định hàn gắn tình cảm. Mặc dù mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình hòa giải nhiều lần nhưng không thành. Do tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, hôn nhân chỉ còn là hình thức nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn anh H để giải phóng cho cả hai.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Trần Xuân Hương T, sinh ngày 02/3/2016. Ly hôn, vợ chồng thống nhất thỏa thuận giao cháu T cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Các bên tự thỏa thuận việc cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn, không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về tài sản chung: Chị N không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về công nợ chung: Các bên thừa nhận vợ chồng không nợ nần ai về tài sản, không yêu cầu Tòa giải quyết.

Tại lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Trần Anh H trình bày như sau:

Anh H xác nhận điều kiện kết hôn, quá trình chung sống đúng như chị N trình bày. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, tính tình không hợp, chị N cư xử thờ ơ, lạnh nhạt khiến anh nghi ngờ chị có quan hệ tình cảm với người khác, phần cũng do chị N không quan tâm chăm sóc mà còn tỏ ra khó chịu khi anh phụng dưỡng mẹ chồng già yếu nên vợ chồng thường xuyên xảy ra va chạm, cãi vã. Vợ chồng ly thân khoảng 01 năm nay, bản thân anh cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn nhưng vẫn hi vọng được đoàn tụ vì muốn con đầy đủ bố mẹ. Nay chị N kiên quyết ly hôn thì anh cũng không níu giữ và đề nghị Tòa giải quyết cho chị N ly hôn đơn phương.

Vợ chồng có 01 con chung là Trần Xuân Hương T, sinh ngày 02/3/2016. Ly hôn, anh đồng ý giao cháu T cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và không đề nghị Tòa giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn.

Về tài sản chung: Anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ chung: Các bên thừa nhận vợ chồng không nợ nần ai về tài sản, không yêu cầu Tòa giải quyết.

UBND thị trấn P nơi cư trú của đương sự có quan điểm: Mâu thuẫn giữa chị N và anh H đã trầm trọng, bản thân cả hai bên đều thừa nhận, trong quá trình chung sống, vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp, vợ chồng nghi ngờ lẫn nhau và không có tiếng nói chung trong việc quản lý kinh tế nên thường xuyên cãi vã. Cả hai đều xác định tình cảm vợ chồng không còn nhưng phía anh H vẫn muốn níu giữ hôn nhân chỉ vì con cái... Do hôn nhân giữa chị Nhung và anh H chỉ còn là hình thức, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị N được ly hôn anh H. Vợ chồng có 01 con chung là Trần Xuân Hương T sinh ngày 02/3/2016. Đề nghị Tòa án ghi nhận thỏa thuận của các bên giao cháu T cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp.

Đại diện VKSND tham gia phiên tòa xác định:

- Quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định về thu thập chứng cứ, chấp hành đúng pháp luật tố tụng. Các đương sự đã được tạo mọi điều kiện để thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng dân sự; nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình trong suốt quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn xin ly hôn của chị N; Giao chị N trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Trần Xuân Hương T, sinh ngày 02/3/2016; Về việc cấp dưỡng nuôi con, tài sản và công nợ chung do các bên không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở lời trình bày của các bên đương sự và quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Đây là vụ án về tranh chấp Hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, do nơi cư trú của bị đơn thuộc thị trấn P, huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội nên việc Tòa án nhân dân huyện Phú Xuyên thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân và yêu cầu của các bên:

Chị Lê Thị Kim N kết hôn với anh Trần Anh H là hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội vào ngày 31/12/2015. Sau khi cưới thì vợ chồng về chung sống tại tiểu khu Đ, thị trấn P, huyện Phú Xuyên cho tới nay. Quá trình chung sống, vợ chồng hòa thuận đến khoảng năm 2020 thì mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân do tính tình không hợp, nghi ngờ lẫn nhau trong quan hệ tình cảm cộng với bất đồng quan điểm trong việc quản lý kinh tế gia đình nên vợ chồng thường xuyên xảy ra va chạm, cãi vã. Vợ chồng đã ly thân khoảng 01 năm và không còn khả năng hàn gắn tình cảm. Các bên đều xác định tình cảm không còn nhưng phía anh H không mong muốn ly hôn vì ràng buộc về con cái. Trường hợp chị N kiên quyết xin ly hôn thì anh H đề nghị Tòa án giải quyết cho chị N được ly hôn đơn phương.

Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa chị N và anh H đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, cả hai đều có chung nhận thức tình cảm vợ chồng không còn, việc anh H viện lý do vì con để níu giữ hôn nhân không xuất phát từ tình cảm vợ chồng vốn là nền tảng của hôn nhân khiến mục đích hôn nhân vì thế không đạt được, hôn nhân nếu có tiếp tục cũng không còn ý nghĩa... nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N.

[3]. Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Trần Xuân Hương T, sinh ngày 02/3/2016. Quá trình tố tụng, cả hai đều thống nhất thỏa thuận giao cháu T cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Do thỏa thuận của các bên là tự nguyện, không trái pháp luật nên Tòa chấp nhận.

[4]. Về tài sản chung: Các bên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

[5]. Về công nợ chung: Các bên thừa nhận không nợ nần gì ai, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

[6]. Về án phí và quyền kháng cáo: Chị N phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Các bên có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 144, Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự; Các Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án, tạm ứng án phí, tạm ứng lệ phí Tòa án:

1. Xử cho chị Lê Thị Kim N được ly hôn anh Trần Anh H.

2. Về con chung: Giao chị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là Trần Xuân Hương T, sinh ngày 02/3/2016. Tạm miễn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Trần Anh H cho đến khi có sự thay đổi theo quy định của pháp luật. Anh Hùng được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được phép ngăn cản.

3. Về tài sản chung, công nợ chung: Các bên không đề nghị Tòa giải quyết nên không xét.

4. Về án phí: Chị Lê Thị Kim N phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm; được khấu trừ vào 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0047847 ngày 02/6/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Xuyên. Chị N đã nộp đủ tiền án phí.

Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hợp lệ.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TANDTP Hà Nội
- VKSND huyện Phú Xuyên
- Chi cục THA huyện Phú Xuyên
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Phùng Văn Phong